TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2021
V/v: Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI:

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩmgồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân và bà Đình Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2020/TLST- HNGĐ ngày 01-12-2020 về việc: Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-3-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Thế Q, sinh năm 1968. Có mặt.

HKTT: Tổ dân phố HY, phường H, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

1. Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1970. Có mặt

HKTT: Tổ dân phố HY, phường H, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Tổ 14, phường N, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1966. Vắng mặt
- Bà Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1970. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường N, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

- Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1954. Vắng mặt
- Bà Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1958. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố HY, phường H, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Anh Đinh Tuấn A, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Căn hộ số 710, chung cư Bách Việt, tổ dân phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề Ny 01-12-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Thế Q trình bày:

Ông và bà Vũ Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Năm 2000, ông và bà N có mua diện tích đất 52 m^2 ở và 01 nhà xây cấp 4 trên đất tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Năm 2001 được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c; diện tích đất 49.8 m^2 mang tên hộ ông Đinh Thế Q, còn 2,2 m^2 đất là mua thêm của của ông Nguyễn Đình B và Phạm Thị Thu H3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2004, ông và bà N đăng ký kết hôn, tuy không thỏa thuận về việc xác lập các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng nhưng ông và bà N cùng sử dụng và quản lý. Đến Ngày 06-02-2015 ông và bà N ly hôn theo bản án số 05/2015/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Sau khi ly hôn, ông và bà N vẫn sống chung. Tổng giá trị nhà và đất nêu trên ông xác định là 300.000.000 đồng.

Đến tháng 4-2015, ông và bà N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Thu H2 thửa đất số 76; diện tích 40 m^2 và 01 nhà xây hai tầng trên đất tại tổ 14 (tổ 76 cũ), phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái. Sau đó ông và bà N cùng sử dụng các tài sản trên cho đến khi phát sinh mâu thuẫn. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khắc gắn liền với đất vẫn mang tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Thu H2. Tổng giá trị nhà và đất ông xác định là 600.000.000 đồng.

Ông Q không xác định được giá trị cụ thể mà ông và bà N đã đóng góp để mua các tài sản trên vì tại các thời điểm đó ông Q, bà N sống chung nên ông xác định công sức đóng góp là như nhau. Các tài sản trên đều hình thành trong thời gian ông và bà N chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Các con của ông đều không có đóng góp gì vào việc tạo lập tài sản, trong quá trình sử dụng cũng không có sửa chữa, xây mới gì. Do ông và bà N đã sảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung, không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các tài sản trên.Trước khi mở phiên tòa ông và bà N đã thỏa thuận: Bà N được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại tổ dân phố HY, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại tổ 14, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Bà

N phải thanh toán cho ông tổng số tiền chênh lệnh chia tài sản là 190.000.000 đồng. Ông Q đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung văn bản thỏa thuận chia tài sản đã giao nộp vào bản án của Tòa án.

Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị N trình bày:

Bà và ông Đinh Thế Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái. Đến Ny 06-02-2015, bà và ông Q ly hôn, tại thời điểm ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Đến nay bà và ông Q không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung, bà xác định có tài sản gồm:

- Diện tích đất 52 m^2 và 01 nhà xây cấp 4 trên đất tại tổ dân phố HY, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là do bà và ông Q mua năm 2000, trong đó có 49,8 m^2 được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đinh Thế Q và 2,2 m^2 mua của ông Bình, bà Hòa chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng trị giá nhà và đất là 300.000.000 đồng. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Đinh Thế Q chỉ có ông Q và con trai là Đinh Tuấn A. Đến năm 2015, bà và ông Q ly hôn, trong khoảng thời gian đó bà và ông Q có thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung, cụ thể: bà sẽ trả cho ông Q số tiền 150.000.000 đồng và bà được quyền sử dụng nhà và đất. Bà đã thanh toán cho ông Q số tiền là 100.000.000 đồng nhưng sau đó bà và ông Q lại quay về sống chung nên bà không trả tiếp cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng theo thỏa thuận nữa. Việc thỏa thuận chia tài sản giữa bà và ông Q đã được lập thành văn bản tại phòng công chứng số 1 tỉnh Yên Bái nhưng sau đó bà và ông Q đã cùng yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản trên. Trong quá trình tham gia tố tụng bà N không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác đối với số tiền 100.000.000 đồng đã trả cho ông Q như đã trình bày. Ban đầu bà N xác định những tài sản trên là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia tài sản theo đơn khởi kiện của ông Q. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bà và ông Q đã thỏa thuận để bà sử dụng nhà và đất tại tổ dân phố HY, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và bà N phải thanh toán cho ông Q tiền chênh lệnh chia tài sản là 150.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận trên vào bản án.

- Đối với diện tích đất 40,2 m^2 và 01 nhà xây hai tầng trên đất tại tổ 14, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái có giá trị là 600.000.000 đồng đây là những tài sản bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Thu H2 khi bà và ông Q đã ly hôn và được mua bằng tiền riêng của bà, ông Q không có đóng góp gì. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà và ông Q đang sống chung nên bà đồng ý để ông Q cùng

đứng tên người mua trong hợp đồng chuyển nhượng. Ban đầu bà đề nghị được sử dụng toàn bộ tài sản là đất và nhà ở, bà không thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Q. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa bà và ông Q đã thỏa thuận bà được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở tại tổ 14, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, bà N phải thanh toán cho ông Q tiền chênh lệnh chia tài sản là 40.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận trên vào bản án.

Bà N xác định các con không có đóng góp gì vào việc tạo lập các tài sản trên, trong quá trình sử dụng cũng không có sửa chữa, xây mới gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đinh Tuấn A trình bày:*

Anh không nhớ rõ ông Q và bà N kết hôn thời gian nào. Sau khi kết hôn, ông Q, bà N chung sống với nhau đến năm 2013 thi ông Q bỏ đi nơi khác sống và ly thân với bà N. Đối với các tài sản mà ông Q đang yêu cầu Tòa án phân chia là:

+ Đối với quyền sử dụng đất diện tích 40 m^2 và 01 nhà xây hai tầng một tum trên đất tại tổ 76 (nay là tổ 14) phường N, thành phố Yên Bái. Sau khi ly hôn, đến tháng 3-2015, ông Q và bà N về sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Thời điểm này, bà N đang làm thủ tục mua nhà và đất. Do tin tưởng ông Q nên bà N và ông Q cùng đi làm thủ tục chuyển nhượng tài sản là nhà và đất nêu trên. Ông Q chỉ là người cùng bà N ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng còn nguồn tiền chuyển nhượng là của bà N. Toàn bộ giao dịch chuyển nhượng là do bà N thực hiện. Sau khi chuyển nhượng, ông Q và bà N cùng về sống chung đến năm 2019 thì ông Q bỏ đi nơi khác sống.

+ Đối với quyền sử dụng đất diện tích 49,8 m^2 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 38-B-IV-c và 01 nhà xây cấp 4 trên đất tại tổ 2 (nay là tổ dân phố Hồng Yên), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Nguồn gốc tài sản trên là do ông Q, bà N mua của người khác khoảng năm 2000. Đối với tài sản này anh được biết giữa ông Q và bà N thỏa thuận về việc chia tài sản có nội dung: bà N đưa 100.000.000 đồng cho ông Q và ông Q đồng ý để lại toàn bộ tài sản trên cho bà N các con. Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q. Anh xác định không có bất kỳ đóng góp công sức, tiền bạc để tạo lập các tài sản trên. Anh không có yêu cầu gì, quyền lợi gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Vào tháng 4-2015, ông và vợ là Phạm Thị Thu H2 có chuyển nhượng cho ông Đinh Thế Q và bà Vũ Thị N một thửa đất số 76 diện tích 40 m^2 và một nhà xây hai tầng trên đất tại tổ 76 cũ phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với giá theo hợp đồng là 300.000.000 đồng. Khi đó ông không biết ông Q và bà N đã ly hôn vì vẫn thấy ông Q và bà N sống cùng nhau. Việc chuyển nhượng được lập thành hợp đồng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Yên Bái. Vợ chồng ông đã nhận tiền và giao nhà cho ông Q, bà N nên xác định không liên quan đến các tài sản đã bán. Ông không có

ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản của ông Q. Ông hoàn toàn đồng ý với sự tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Q và bà N hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án. Ông không biết tiền mua nhà và đất là tiền riêng của ai hay ông Q, bà N có đóng góp như thế nào vì khi đó ông Q và bà N sống chung nên ông nghĩ là tiền chung. Ông chỉ biết ông Q, bà N đã giao đủ tiền mua nhà và đất còn không nhớ ai là người giao tiền và giao khi nào.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị Thu H2 trình bày:*

Năm 2015 bà và chồng là ông Nguyễn Văn H1 có bán cho ông Đinh Thế Q, bà Vũ Thị N thửa đất số 76 và 01 nhà xây hai tầng trên đất tại tổ 14 (tổ 76 cũ), phường N, thành phố Yên Bái. Các bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phòng công chứng số 01 tỉnh Yên Bái với số tại hợp đồng là 300.000.000 đồng. Bà Hằng không nhớ ai là người giao tiền và cũng không biết số tiền ông Q, bà N đóng góp là bao nhiêu hay là tiền riêng của ai. Hiện nhà và đất vợ chồng bà đã bán cho ông Q, bà N nên ông Q, bà N có toàn quyền sử dụng, quản lý và có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Vợ chồng bà không liên quan đến các tài sản trên. Hiện ông Q, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản là nhà và đất như đã trình bày ở trên, bà không có ý kiến gì. Bà hoàn toàn đồng ý với sự tự thỏa thuận của ông Q, bà N hoặc theo quyết định, bản án của Toà án. Ngoài ra bà không có yêu cầu khác

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đình Bình trình bày:*

Khoảng năm 2000, ông Đinh Thế Q và bà Vũ Thị N có mua nhà và đất ở sát nhà của gia đình ông tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái. Khi đó phần đất ở của nhà ông Q, bà N bị khuyết một phần đất phía trước nhà giáp với đất của nhà ông. Sau đó ông Q, bà N có hỏi mua của vợ chồng ông diện tích đất khoảng hơn 2m^2 để cho vuông đất và thuận tiện sử dụng. Ông và vợ là bà Phạm Thị Thu H3 đã đồng ý bán khoảng hơn 2 m^2 đất không đo đạc cụ thể mà chỉ để cho vuông với phần đất của nhà ông Q sử dụng. Diện tích đất ban đầu của nhà ông Q, bà N là khoảng gần 50 m^2 . Hiện nay diện tích sử dụng thực tế là 52 m^2 ,trong đó có hơn 2 m^2 không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là mua của vợ chồng ông. Ông xác định diện tích đất đã bán là thuộc quyền sử dụng, quản lý của ông Q, bà N. Vợ chồng ông không có tranh chấp hay có yêu cầu gì đối với diện tích đất nêu trên. Đối nội dung vụ án Tòa án đang thụ lý giải quyết thì ông hoàn toàn đồng ý theo sự tự thỏa thuận của ông Q, bà N hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ Ny 31-01-2021 bà Phạm Thị Thu Hoà trình bày: Diện tích đất 2,2 m^2 trong phần đất của ông Q, bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là mua của vợ chồng bà vào năm 2000. Bà Hòa xác

định trên ông Q, bà N đã sử dụng ổn định và có quyền sử dụng, quản lý đối với diện tích đất trên. Gia đình bà không có tranh chấp, không có yêu cầu gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tiến hành xét xử vụ án đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án*: Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 219, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông Đinh Thế Q và bà Vũ Thị N về việc phân chia tài sản chung.

Về án phí: Buộc ông Q và bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy quy định.

Về chi phí tố tụng: Ông Q đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc bà N phải trả cho ông Q tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là là 3.095.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp xác định khi thụ lý vụ án là " Chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy tại thời điểm tạo lập tài sản chung thì ông Q và bà N không có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật cần được xác định lại trong vụ án này là "Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố HY, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 7 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tài sản tranh chấp:

- Đối với thửa đất số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c và tài sản gắn liền với đất tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái có tổng giá trị là 300.000.000 đồng, đây là các tài sản được hình thành trong thời gian ông Q và bà N sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Tại thời điểm hộ ông Đinh Thế Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà N không có tên trong hộ khẩu của hộ ông Đinh Thế Q. Tuy nhiên, ông Q và bà N đều thừa nhận cùng có công sức đóng góp để tạo lập tài sản và cùng quản lý, sử dụng khối tài sản chung nên cần xác định đây là các tài sản thuộc sở hữu chung của ông Q và bà N.

- Đối với thửa đất số 76 và tài sản gắn liền với đất tại tổ 14 (tổ 76 cũ) phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái có tổng giá trị là 600.000.000 đồng, là tài sản mà ông Q và bà N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Thu H2 trong thời gian ông Q và bà N đã ly hôn nhưng vẫn sống chung. Việc chuyển nhượng được các bên lập thành hợp đồng chuyển nhượng có công chứng hợp pháp. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Q và bà N chưa đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng ông Q và bà N cùng sử dụng và quản lý cho đến khi phát sinh mâu thuẫn. Cả ông Q và bà N đều không chứng minh được phần đóng góp cụ thể của mỗi người, không chứng minh được đây là tài sản riêng. Nên xác định các tài sản trên do ông Q và bà N cùng có đóng góp tạo lập và là các tài sản chung hợp nhất của ông Q và bà N. Toàn bộ các tài sản trên các con chung của ông Q, bà N đều không có đóng góp gì vào việc tạo lập tài sản.

Theo biển bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31-01-2021:

- Đối với thửa đất số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c và tài sản gắn liền với đất gồm: Diện tích đất 52 m^2 tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, trong đó có 49,8 m^2 đất đã được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R641867 cấp Ny 05-3-2001 mang tên hộ ông Đinh Thế Q và 2,2 m^2 đất dôi dư có nguồn gốc mua của ông Nguyễn Đình B và bà Phạm Thị Thu H3 vào năm 2000; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4 một tầng; diện tích xây dựng 46,48 m^2 lợp mái fibro xi măng. Thửa đất có vị trí:

Phía Bắc giáp đất nhà bà Lê Thị M1 dài 3,73m

Phía Nam giáp đường giao thông bê tông dài 3,68m

Phía Tây giáp đất nhà ông Trần Văn M2 dài 14,64m

Phía Đông giáp đất nhà bà Phạm Thị Thu H3 dài 14,37m

Hiện trạng sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

- Đối với thửa đất số 76; và tài sản gắn liền với đất gồm: Diện tích đất 40,2 m^2 tại tổ 14 (tổ 76 cũ), phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, trong đó có 40 m^2 đất đã được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 708189 cấp Ny 15-11-2011 mang tên ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị Thu H2 và 0,2 m^2 đất dôi dư; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây hai tầng ; diện tích xây dựng 40,2 m^2. Thửa đất có vị trí:

Phía Bắc giáp đất nhà ông Trần Công L1 dài 5,96m

Phía Nam giáp đường giao thông bê tông dài 5,09m

Phía Tây giáp đất nhà Thiều Kim L2 dài 7,09m

Phía Đông giáp đất nhà bà Đan Đình H4 dài 7,26m

Trước khi Tòa án mở phiên tòa ông Q và bà N đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung và yêu cầu Toà án ghi nhận trong bản án, cụ thể:

- Bà Vũ Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 52 m^2 (trong đó có 49,8 m2 đất đã được UBND tỉnh Yên bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R641867 Ny 05-3-2001 mang tên hộ ông Đinh Thế Q và 2,2m^2 mua của ông Nguyễn Đình B và bà Phạm Thị Thu H3) và quyền sở hữu 01 nhà xây cấp 4 trên thửa đất số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c; tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (hiện trạng tài sản theo biên bản thẩm định ngày 31-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái). Bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đinh Thế Q số tiền chênh lệch chia tài sản là 150.000.000 đồng.

- Bà Vũ Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c diện tích đất 40,2 m^2 (trong đó có 40 m^2 đất đã được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 708189 cấp Ny 15-11-2011 mang tên ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị Thu H2 và 0,2m^2 đất dôi dư) và quyền sở hữu 01 nhà xây hai tầng trên đất tại tổ 14 (tổ 76 cũ), phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (hiện trạng tài sản theo biên bản thẩm định ngày 31-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái). Bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đinh Thế Q số tiền chênh lệch chia tài sản là 40.000.000 đồng.

Bà Vũ Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thống nhất về giá trị tài sản và sự tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của ông Q và bà N là hoàn toàn tự nguyện, đúng với hiện trạng tài sản, phù hợp nhu cầu sử dụng, quản lý tài sản của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Tuấn A, ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị Thu H2, ông Nguyễn Đình B, bà Phạm Thị Thu H3 đều không có yêu cầu độc lập và không có yêu cầu gì về quyền lợi trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa ông Q và bà N thỏa thuận mỗi người chịu ½ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Q đã nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.190.000 đồng. Nên buộc bà N phải trả cho ông Q số tiền là 3.095.000 đồng.

[7] Về án phí: Ông Q, bà N thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản trước khi mở phiên tòa và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên phải chịu tiền án sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể:

Phần tài sản bà N được nhận trị giá 710.000.000 đồng nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: (20.000.000 đồng + 310.000.000 đồng x 4%) x 50% = 16.200.000 đồng.

Phần tài sản ông Q được nhận trị giá 190.000.000 đồng nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 190.000.000 đồng x 5% x 50% = 4.750.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 219, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông Đinh Thế Q và bà Vũ Thị N về việc phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, cụ thể như sau:

1.1 Bà Vũ Thị N được quyền sử dụng 52 m^2 đất tại thửa số 43; tờ bản đồ số 38-B-IV-c tại tổ dân phố Hồng Yên (tổ 2 cũ), phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (trong đó có 49,8 m^2 đất đã được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R641867 cấp Ny 05-3-2001 mang tên hộ ông Đinh Thế Q và 2,2 m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4 một tầng; diện tích 46,48 m^2 lợp mái fibro xi măng. Thửa đất có vị trí:

Phía Bắc giáp đất nhà bà Lê Thị M1 dài 3,73m

Phía Nam giáp đường giao thông bê tông dài 3,68m

Phía Tây giáp đất nhà ông Trần Văn M2 dài 14,64m

Phía Đông giáp đất nhà bà Phạm Thị Thu H3 dài 14,37m

Bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đinh Thế Q tiền chênh lệch chia tài sản là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

1.2 Bà Vũ Thị N được quyền sử dụng 40.2 m^2 đất tại thửa số 76; tại tổ 14 (tổ 76 cũ), phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (trong đó có 40 m^2 đất đã được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 708189 cấp Ny 15-11-2011 mang tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị Thu H2 và 0,2 m^2 đất dôi dư) và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây hai tầng; diện tích xây dựng 40,2 m^2. Thửa đất có vị trí:

Phía Bắc giáp đất nhà ông Trần Công L1 dài 5,96m

Phía Nam giáp đường giao thông bê tông dài 5,09m

Phía Tây giáp đất nhà bà Thiều Kim L2 dài 7,09m

Phía Đông giáp đất nhà ông Đan Đình H4 dài 7,26m

Bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đinh Thế Q tiền chênh lệch chia tài sản là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).*

Bà Vũ Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất.*(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)*

2. Về chi phí tố tụng:

- Buộc bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đinh Thế Q tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.095.000 đồng *(Ba triệu không trăm chín mươi năm nghìn đồng)*

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Ông Đinh Thế Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đồng *(Bốn triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 14.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0006697 ngày 01-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Ông Q được trả lại số tiền là 9.250.000 đồng *(Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Vũ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.200.000 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Yên Bái;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*
- *THADS tp. Yên Bái;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:
- *TA tỉnh ;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*
- *THADS tp. Yên Bái;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:
- *TA tỉnh ;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*
- *THADS tp. Yên Bái;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao